

Số: 17/2017/CV-AMD

(V/v: Giải trình Kết quả hoạt động kinh doanh
Công ty mẹ và Hợp nhất quý IV/2016)

Hà nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Khoản 4.a Điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Trên cơ sở Báo cáo tài chính Công ty mẹ và hợp nhất quý IV năm 2016, Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group (mã chứng khoán: AMD) xin giải trình như sau:

*** Số liệu Công ty mẹ:**

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quý IV		Tỷ lệ %
		2016	2015	2016/2015
1	Doanh thu thuần	276.885	253.729	9,13%
2	Lợi nhuận trước thuế	14.198	11.359	24,9%

*** Giải trình biến động:**

- Doanh thu và Lợi nhuận trước thuế Quý IV/2016 của Công ty mẹ tăng lần lượt là 9,13% và 24,9% so với cùng kỳ năm 2015 là do Công ty đẩy mạnh việc kinh doanh Máy móc thiết bị, kinh doanh Vật liệu xây dựng đồng thời ký thêm được các HĐ cung cấp Đá tự nhiên cho 1 số đơn vị.

Số liệu Hợp nhất:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Quý IV		Tỷ lệ %
		2016	2015	2016/2015
1	Doanh thu thuần	431.285	316.586	36,23%
2	Lợi nhuận trước thuế	15.368	16.410	-6,3%



** Giải trình biến động:*

- Doanh thu hợp nhất Quý IV/2016 tăng 36,23% so với cùng kỳ năm 2015 là do Công ty mẹ có sự tăng trưởng cao về hoạt động kinh doanh máy móc thiết bị và kinh doanh Đá tự nhiên. Tuy nhiên, lợi nhuận lại giảm 6,3% so với cùng kỳ năm 2015 là do Công ty đang tập trung nguồn lực đầu tư vào dây chuyền khai thác và xây dựng nhà máy chế biến đá.

Về kiểm soát tình hình sản xuất kinh doanh: Công ty kiểm soát tốt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần đầu tư và Khoáng sản AMD Group về kết quả hoạt động kinh doanh Công ty mẹ và Hợp nhất quý IV năm 2016.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết .

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN

AMD GROUP

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Đinh Đặng Thủy Anh



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD
GROUP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 8
Báo cáo Tài chính riêng	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	9-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	13-14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	15-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản AMD Group trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP là doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP (tên cũ: Công ty Cổ phần Fikor Việt Nam) hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0102370070 do Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 09 năm 2007, thay đổi lần thứ 15 vào ngày 24 tháng 12 năm 2016.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 623.999.360.000 đồng (*Sáu trăm hai mươi ba tỷ chín trăm chín mươi chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.*)

Địa chỉ trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác và chế biến đá.
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ trong siêu thị trung tâm thương mại;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Giáo dục mầm non;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;

Ngành nghề kinh doanh của Công ty này bao gồm:

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Chi tiết: Sàn giao dịch bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá
Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu

- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, kế toán, kiểm toán)
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu
- Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;
- Quảng cáo;
 - Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
 - Vận tải hành khách đường bộ khác;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ khác;
 - Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
 - Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình

Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Giáo dục nghề nghiệp

Chi tiết: Dạy nghề;

- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Đào tạo cao đẳng;
- Giáo dục thể thao và giải trí;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông (trừ thiết bị thu phát sóng);
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết:

Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị điện khác dùng trong mạch điện)

Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi)

Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh

Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;

- Đào tạo đại học và sau đại học;
- Sản xuất máy thông dụng khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình ;

Chi tiết:

Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh

Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện

Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự

Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm

Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao

Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao;

- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

Chi tiết: Hoạt động của đại lý bán vé máy bay;

Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp đám cưới...);

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

Chi tiết: thăm dò quặng theo phương án thông lệ và lấy mẫu quặng, quan sát địa chất nơi thăm dò;

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Khai thác quặng sắt;
 - Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm
- Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)*
- Và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)
 - Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);
 - Cung ứng lao động tạm thời (không bao gồm giới thiệu tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động);

Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;

Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;

- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kinh loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng

- Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất;*
- Bán buôn đồ uống;
 - Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào;
 - Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá;*
 - Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
 - Vận tải hàng hóa đường sắt;
 - Vận tải hành khách đường sắt;
 - Chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng đường sắt theo hợp đồng và theo tuyến cố định;*
 - Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)
 - Chi tiết: Dịch vụ xoa bóp (không bao gồm day, ấn huyệt và các dịch vụ liên quan);*
 - Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ phục vụ hoạt động thể thao, vui chơi giải trí;
 - Khai thác và thu gom than cứng;
 - Khai thác và thu gom than non;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
 - Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
 - Sản xuất bao bì bằng gỗ;
 - Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
 - Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì bằng giấy và bìa;
 - Sản xuất than cốc;
 - Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế;
 - Sản xuất sản phẩm từ plastic;
 - Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
 - Sản xuất sắt, thép, gang;
 - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
 - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
 - Chi tiết: Sản xuất các động cơ (trừ động cơ động hồ) như xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ;*
 - Sản xuất dây cáp kim loại, dải xếp nếp và các chi tiết tương tự;
 - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện;
 - Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
 - Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
 - Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
 - Sửa chữa thiết bị khác;
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
 - Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
 - Bán buôn gạo;
 - Bán buôn thực phẩm;
 - Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
 - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ phân bón, thuốc sâu);
 - Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh
 - Chi tiết: bán lẻ sản phẩm thuốc lá nội, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh;*
 - Lập trình máy tính;
 - Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
 - Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
 - Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi;
 - Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
 - Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
 - Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
Chi tiết: Vệ sinh văn phòng, căn hộ hoặc nhà riêng, nhà máy, cửa hàng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Xuất bán phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Sản xuất xe có động cơ;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ vải, len sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục và sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết:
Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh
Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ gỗ) trong các cửa hàng chuyên doanh
Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
Bán lẻ hàn hóa khác mới chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
Chi tiết: Bán lẻ lương thực, thực phẩm đồ uống (đồ uống có cồn và đồ uống không có cồn, thuốc lá nội, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết:
Bán lẻ đồ uống có cồn;
Bán lẻ đồ uống không có cồn;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Chăn nuôi khác;
- Xay xát và sản xuất bột thô;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động chiếu phim;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu;
- Chăn nuôi trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn;
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108, phố Nguyễn Hoàng, p Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

- Sản xuất giấy dếp;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác từ gỗ;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp
Chi tiết: vận chuyển gỗ và lâm sản khác đến cửa rừng;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm;
- Sản xuất đồ chơi, trò chơi(trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất rượu vang;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn;
- Hoạt động thể thao khác;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác
Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Đức	Chủ tịch
Ông Ngô Công Chính	Ủy viên
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên
Ông Vũ Phạm Hải Đăng	Ủy viên
Bà Đàm Thị Ngân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tiến Đức	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Công Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đinh Đặng Thủy Anh	Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Nhung	Trưởng ban
Ông Hồ Sĩ Bắc	Ủy viên
Bà Lê Thị Hoàng Anh	Ủy viên

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM TỔNG ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108, phố Nguyễn Hoàng, p Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh. Mặc dù lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm (-) nhưng Công ty đã có kế hoạch phù hợp để đảm bảo tiếp tục hoạt động trong giai đoạn tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến 31/12/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiên Đức

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		572,666,746,155	115,450,445,400
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	23,189,214,312	15,745,803,697
1. Tiền	111		23,189,214,312	15,745,803,697
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		428,141,544,620	52,251,529,939
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	243,382,519,440	48,795,580,091
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	162,728,100,388	3,378,857,193
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	22,030,924,792	77,092,655
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	113,740,554,462	46,263,315,054
1. Hàng tồn kho	141		113,740,554,462	46,263,315,054
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,595,432,761	1,189,796,710
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	620,817,368	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,974,615,393	1,188,926,237
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.08	-	870,473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		559,540,850,471	331,690,492,717
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		3,525,341,707	367,540,911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	3,525,341,707	367,540,911
- Nguyên giá	222		4,937,166,365	1,588,843,637
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(1,411,824,658)	(1,221,302,726)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	30,777,446,663	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		753,018,669	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		30,024,427,994	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	514,244,797,546	311,244,797,546
1. Đầu tư vào công ty con	251		451,387,600,000	271,387,600,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		63,000,000,000	40,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(142,802,454)	(142,802,454)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		10,993,264,555	20,078,154,260
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	10,993,264,555	20,078,154,260
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,132,207,596,626	447,140,938,117

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		428,872,579,503	87,446,205,118
I. Nợ ngắn hạn	310		358,959,483,543	87,446,205,118
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	291,744,848,852	30,404,459,801
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	9,160,486,989	42,544,496,753
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	14,422,890,308	7,664,060,520
4. Phải trả người lao động	314		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6,000,000,000	47,988,850
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	35,846,058,200	5,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,785,199,194	1,785,199,194
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		69,913,095,960	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		703,335,017,123	359,694,732,999
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	703,335,017,123	359,694,732,999
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		623,999,360,000	300,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,602,475,660	1,785,199,194
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1,709,876,063	892,599,597
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75,023,305,400	57,016,934,208
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31,383,021,276	57,016,934,208
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		43,640,284,124	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,132,207,596,626	447,140,938,117

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lê Thị Quý

Đinh Đặng Thủy Anh



Nguyễn Tiến Đức

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	276,885,616,256	253,729,857,655
2. Các khoản giảm trừ	02		38,665,997,915	92,070,376
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		238,219,618,341	253,637,787,279
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	220,422,409,722	239,895,905,204
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		17,797,208,619	13,741,882,075
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	54,806,890	11,043,366
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,086,820,922	3,083,253
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,086,820,922	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	809,904,876	72,555,385
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2,023,840,843	2,475,714,818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		13,931,448,868	11,201,571,985
11. Thu nhập khác	31	VI.6	470,935,650	157,460,182
12. Chi phí khác	32	VI.7	203,505,204	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		267,430,446	157,460,182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14,198,879,314	11,359,032,167
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	2,839,775,863	2,498,987,078
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		11,359,103,451	8,860,045,089

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Thị Quý



Đinh Đăng Thủy Anh



Nguyễn Tiên Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo phương pháp trực tiếp

Cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	170,057,734,681	353,305,879,427
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(298,272,616,726)	(349,088,185,263)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(825,146,584)	(1,427,942,533)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1,086,820,922)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1,557,040,839)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	97,071,856,321	1,862,100,842
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(32,147,665,868)	(365,823,825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(66,759,699,937)	4,286,028,648
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(162,250,300)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	54,806,890	1,295,094
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(107,443,410)	5,501,295,094
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	87,705,455,960	12,500,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8,776,944,740)	(7,500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	78,928,511,220	5,000,000,000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12,061,367,873	14,787,323,742
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11,127,846,439	958,479,955
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	23,189,214,312	15,745,803,697

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Báo cáo tài chính riêng

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội, kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Quý

Đinh Đặng Thủy Anh

Nguyễn Tiên Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Tiền mặt	6,757,233,656	276,953,472
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16,431,980,656	15,468,850,225
+ Tiền gửi VND	16,431,980,656	15,459,663,460
Ngân hàng An Bình Hoàng Quốc Việt	-	5,696,122
Ngân hàng ACB Hà Thành	49,104,985	
Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội	8,975,408	15,286,332,340
Ngân hàng BIDV Thăng Long	3,051,247	10,413,723
Ngân hàng BIDV CN Thanh Xuân	869,603	974,567
Ngân hàng BIDV CN Hà Thành	16,228,146,560	
Ngân hàng Quân đội CN sở giao dịch 1	11,312,271	109,243,426
Ngân hàng Quân đội CN Hàng đầu	2,773,932	2,773,932
Ngân hàng NN & PTNT Tây Hà Nội		13,433,952
Ngân hàng Tiên Phong Mỹ Đình	6,165,256	1,161,628
Ngân hàng Tiên Phong Hà Thành	1,031,990	1,025,793
Ngân hàng Vietcombank Thăng Long	995,561	989,000
Ngân hàng Vietinbank Tây Hà Nội	20,219,078	19,883,823
Ngân hàng Vietinbank Nam Thăng Long	-	7,735,154
Ngân hàng Vietinbank Bắc Hà Nội	15,315,470	
+ Tiền gửi USD	84,019,295	9,186,765
Ngân hàng BIDV Tây Hà Nội	84,019,295	9,186,765
Ngân hàng Quân đội CN sở giao dịch 1		
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn (từ 1 - 3 tháng):	-	
Cộng	23,189,214,312	15,745,803,697

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	243,382,519,440	-	48,795,580,091	-
Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ CTECH Việt Nam	5,085,987,000		5,085,987,000	
Công ty TNHH đầu tư và phát triển địa ốc Hai Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công cổ phần đầu tư thương mại Quốc tế Trung Thiên	7,420,140,000		16,420,140,000	
Công ty TNHH SX và xuất nhập khẩu Huy Hoàng	4,570,698,555		-	
Công ty TNHH Thương mại S.M.E	4,970,340,265		-	
Công ty TNHH Thương mại S.M.E	27,694,050,200		10,649,900,000	
Công ty TNHH MTV Cốp Pha Thép Thái Hưng	162,777,820,800		5,752,147,880	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần thiết bị Năm Sao Việt	11,356,046,400		-	
Công ty TNHH Thiên Thuận Trường	10,162,563,230		7,891,461,335	
- Các đối tượng khác	9,344,872,990		2,995,943,876	
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	243,382,519,440	-	48,795,580,091	-

c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Công ty con	166,900,000	
Công ty Cổ phần AMD Smart	Công ty con	1,982,934,660	196,577,920
Công ty CP Thương Mại và Dịch vụ Đông Sơn	Công ty con	2,427,249,999	

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	162,728,100,388	-	3,378,857,193	-
Công ty TNHH đầu tư và thương mại UHC Việt Nam			2,623,361,400	
CÔNG ty CPPT Công nghệ AD&D Việt Nam	5,617,913,979			
Công ty cổ phần DGI	68,993,203,500			
Cty CP Đông Nam Á Việt	5,088,110,000			
Công ty CP INTOP	4,085,000,000			
Các đối tượng khác	7,713,999,674		755,495,793	
ROTO FRANK ASIA-	2,057,587,591			
Cty TNHH Xây dựng Thương	2,735,019,144			
Coog ty CP xây lắp công trìn	66,437,266,500			
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	162,728,100,388	-	3,378,857,193	-

c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Viện quản lý và phát triển Châu Á	Công ty con	-	45,000,000
Công ty CP Thương Mại và Dịch vụ Đông Sơn	Công ty con	5,445,000	

4. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	22,030,924,792	-	77,092,655	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

- Dự nợ BHTN			
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	250,672,864		
- Tạm ứng	6,780,251,928		32,418,677
- Phải thu khác (*)	15,000,000,000	-	44,673,978
b. Dài hạn	-	-	-
Cộng	22,030,924,792	-	77,092,655

Chi tiết công nợ phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Ông Nguyễn Văn Hưởng (Đặt cọc mua cổ phần)	15,000,000,000			
Cộng	15,000,000,000	-	-	-

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,251,204,490		1,962,530,000	
+ Tập hợp chi phí liên quan đến XD CB núi loáng và núi bền	1,251,204,490		1,962,530,000	
- Thành phẩm	-		-	
- Hàng hóa	112,489,349,972		44,300,785,054	
- Hàng gửi đi bán	-		-	
- Hàng hóa bất động sản	-		-	
Cộng	113,740,554,462	-	46,263,315,054	-

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	620,817,368	-
Công cụ dụng cụ phân bổ ngắn hạn	620,817,368	
b. Dài hạn	10,993,264,555	20,078,154,260
Chi phí lập hồ sơ xin khai thác khoáng sản và tư vấn thăm dò	700,000,000	
Phí lấp đặt và đặt biển quảng cáo tại sân golf sầm sơn (4 năm từ 2016 và 2019)	-	4,545,454,545
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	222,265,455	199,366,378
Chi phí đầu tư cải tạo công trình EBEST(*)	10,070,999,100	15,333,333,337
Cộng	11,614,081,923	20,078,154,260

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

(*) Chi phí đầu tư, cải tạo khu đất, công trình trên đất của trung tâm thương mại EbestMall theo hợp đồng số 0805/2014/HTKD-AMD ngày 01/04/2014. Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group và Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý cùng hợp tác kinh doanh để khai thác thương mại Công trình và tài sản trên đất trong thời gian còn lại của Hợp đồng thuê nhà xưởng số 68/2011/HĐT/NX là 7 năm 6 tháng bắt đầu từ ngày 01/04/2014. Công ty TNHH Thiên Thuận Tường đồng ý góp bằng quyền khai thác đất, công trình, tài sản trên đất, Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group đóng góp bằng chi phí đầu tư, cải tạo tương đương 22.000.000.000 VND (bao gồm thuế GTGT).

Công ty Cổ phần đầu tư AMD Group được hưởng một khoản lợi nhuận cố định hàng năm là 5 tỷ đồng, áp dụng trong 5 năm đầu. Kể từ năm thứ sáu trở đi, khoản lợi nhuận cố định này sẽ được các bên thống nhất điều chỉnh lại cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Tổng chi phí đầu tư là 20 tỷ đồng, AMD phân bổ đều trong thời gian đầu tư (7 năm 6 tháng kể từ ngày 01/04/2014).

Tổng chi phí đã phân bổ trong năm: 4.666.666.663 VND.

Tháng 03 năm 2016 Công ty CP đầu tư AMD Group nhượng lại 2 năm từ ngày 31/03/2016 đến 31/03/2018 cho Công ty TNHH Thiên Thuận Tường. Giá trị nhượng lại là 20.000.000.000 VND.

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (phụ lục 1)**10. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Chi phí đầu tư khai thác mỏ đá	30,024,427,994	
Cộng	30,024,427,994	-

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Phụ lục 2)**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	291,744,848,852	291,744,848,852	30,404,459,801	30,404,459,801
Công ty Cổ phần B.C.H	-	-	6,886,521,587	6,886,521,587
Chi nhánh công ty TNHH DKSH Việt Nam tại HN	-	-	964,920,000	964,920,000
Công ty cổ phần thiết bị công nghệ ETS	2,558,387,000	2,558,387,000	4,620,837,000	4,620,837,000
Công ty CP tập đoàn FLC	1,997,360,000	1,997,360,000	7,639,210,000	7,639,210,000
CÔNG TY TNHH FLC SAMSON GOLF & RESORT		-	352,000,000	352,000,000
Công ty TNHH dịch vụ và chế biến thực phẩm Minh Dương		-	450,543,917	450,543,917

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Công ty Cổ phần đầu tư kinh doanh và phát triển Hạ tầng KCN Phúc Hà	-	-	1,532,440,917	1,532,440,917
Công ty CP công nghệ Quốc Gia	16,564,000,000	16,564,000,000	-	-
ROTO FRANK ASIA-PACIFIC PTE.LTD	3,348,860,168	3,348,860,168	-	-
Công ty TNHH đầu tư và thương mại UHC Việt Nam	3,248,400,000	3,248,400,000	-	-
Công ty cổ phần Thép Việt Ý	256,293,507,184	256,293,507,184	-	-
- Các đối tượng khác	7,734,334,500	7,734,334,500	7,957,986,380	7,957,986,380
Cộng	291,744,848,852	291,744,848,852	30,404,459,801	30,404,459,801

Phải trả người bán là các bên liên quan

		Số cuối kỳ	Số đầu năm
		VND	VND
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Công ty con	35,000,000	

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9,160,486,989	9,160,486,989	42,544,496,753	42,544,496,753
Công ty Cổ phần Xây dựng Faros		-	42,535,530,000	42,535,530,000
Công ty TNHH Unieco	5,079,910,000	5,079,910,000	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư xuất nhập khẩu Phú Bình	2,062,450,000	2,062,450,000	8,966,753	8,966,753
Cty CP đầu tư Xây Dựng	1,729,564,674	1,729,564,674		-
- Các đối tượng khác	288,562,315	288,562,315		
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-		
Cộng	9,160,486,989	9,160,486,989	42,544,496,753	42,544,496,753

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**a. Phải nộp**

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp/kết chuyển trong kỳ	Thuế nộp bổ sung	Số dư cuối kỳ
Thuế GTGT phải nộp	580,828,712	91,109,408,990	91,690,237,702		
Thuế tiêu thụ đặc biệt		3,741,223,224	3,741,223,224		
Thuế xuất, nhập khẩu		3,104,333,820	3,104,333,820		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6,956,713,587	10,914,855,684	3,727,526,824		14,144,042,447
Thuế thu nhập cá nhân	126,518,221	184,148,100	31,818,460		278,847,861
Thuế tài nguyên					
Thuế khác		3,000,000	3,000,000		
Cộng	7,664,060,520	109,056,969,818	102,298,140,030	-	14,422,890,308

b. Phải thu

Số cuối kỳ

Số đầu năm

VND

VND

Thuế GTGT phải thu của Nhà nước

870,473

Cộng**-****870,473**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. PHẢI TRẢ KHÁC

Số cuối kỳ

Số đầu năm

VND

VND

Ngắn hạn**6,000,000,000****47,988,850**

- Bảo hiểm xã hội

-

47,988,850

- Phải trả công ty CP Đầu tư Vip Royal

6,000,000,000

-

Cộng**6,000,000,000****47,988,850****16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Phụ lục 3)****17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 4)****VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Số cuối kỳ

Tỷ lệ

Số đầu năm

Tỷ lệ

VND

%

VND

%

Vốn góp của các đối tượng khác

623,999,360,000

100.00

300,000,000,000

100.00

Cộng**623,999,360,000****100.00****300,000,000,000****100.00**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu năm</i>	300,000,000,000	300,000,000,000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	323,999,360,000	
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	623,999,360,000	300,000,000,000

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	62,399,936	30,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	62,399,936	30,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	62,399,936	30,000,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	62,399,936	30,000,000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	62,399,936	30,000,000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e. Các quỹ Công ty

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Quỹ đầu tư phát triển	2,602,475,660	1,785,199,194
<i>Trong đó: Quỹ đầu tư phát triển sản xuất</i>	<i>2,602,475,660</i>	<i>1,785,199,194</i>
Cộng	2,602,475,660	1,785,199,194

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Tổng doanh thu	276,885,616,256	253,729,857,655
Doanh thu bán hàng hóa	195,181,422,018	128,752,648,087
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6,367,363,636	6,487,947,550
Doanh thu hàng hóa bất động sản	75,336,830,602	118,489,262,018
Các khoản giảm trừ doanh thu	38,665,997,915	92,070,376
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	38,665,997,915	92,070,376
Doanh thu thuần	238,219,618,341	253,637,787,279

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Doanh thu với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	315,818,182	65,780,000
Cộng	315,818,182	65,780,000

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Giá vốn hàng hóa	160,972,140,330	122,319,507,608
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2,478,956,740	342,881,033
Giá vốn bất động sản đầu tư	74,768,521,271	117,233,516,563
Cộng	238,219,618,341	239,895,905,204

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện trong năm		8,018,522
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		3,024,844
Lãi tiền gửi	54,806,890	
Cộng	54,806,890	11,043,366

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	1,086,820,922	3,083,253
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Cộng	1,086,820,922	3,083,253

5. CHI PHÍ SXKD THEO YẾU TỐ

Chi phí theo yếu tố	Quý 4 năm 2016 VND	Quý 4 năm 2015 VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	62,931,079
- Chi phí nhân công	933,103,276	3,042,894,121
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	750,628,000	1,643,493,151
- Thuế, phí, lệ phí	51,726,852	29,520,405
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,222,493,246	654,844,926
- Chi phí khác bằng tiền	270,157,881	955,743,650
Cộng	15,228,109,255	6,389,427,332

Trong đó bao gồm**a. Chi phí sản xuất**

	Quý 4 năm 2016 VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
- Chi phí nhân công		1,773,581,095
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		1,519,878,781
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	12,394,363,536	327,422,463
- Chi phí khác bằng tiền		147,719,405

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Cộng	12,394,363,536	3,768,601,744
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
b. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân công	809,904,876	72,555,385
Cộng	809,904,876	72,555,385
c. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp	 Quý 4 năm 2016	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		62,931,079
- Chi phí nhân công	123,198,400	1,196,757,641
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	750,628,000	123,614,370
- Thuế, phí, lệ phí	51,726,852	29,520,405
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	828,129,710	327,422,463
- Chi phí khác bằng tiền	270,157,881	808,024,245
Cộng	2,023,840,843	2,548,270,203
6. THU NHẬP KHÁC	 Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
- Các khoản khác	470,935,650	157,460,182
Cộng	470,935,650	157,460,182
7. CHI PHÍ KHÁC	 Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
- Các khoản bị phạt chậm nộp	203,505,204	-
Cộng	203,505,204	-
8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	 Quý 4 năm 2016	Quý 4 năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	14,198,879,314	11,359,032,167
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		133,146,056
Các khoản điều chỉnh tăng	203,505,204	133,146,056
- Chi phí thù lao HĐQT, Ban kiểm soát không được trừ		70,000,000
- Chi phạt hành chính	203,505,204	63,146,056
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lợi nhuận chịu thuế	14,402,384,518	11,492,178,223
Thuế suất hiện hành	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2,880,476,904	2,528,279,209
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	6,956,713,587	3,319,868,251
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1,557,040,839)	(3,316,816,121)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối kỳ	8,280,149,652	2,531,331,339

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

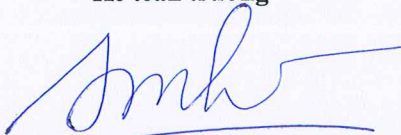
Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Người lập biểu



Lê Thị Quý

Kế toán trưởng



Đinh Đặng Thủy Anh

Hà Nội, ngày 17 tháng 01 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính
Cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Phụ lục 1:

9 - TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị ĐCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá TSCP						
Số dư đầu năm	-	3,317,495,455	1,500,661,819	88,181,818	-	1,588,843,637
Số tăng trong kỳ	-	3,317,495,455	-	30,827,273	-	3,348,322,728
- Mua trong năm	-	3,317,495,455	-	30,827,273	-	3,348,322,728
- Đầu tư XCPB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng do điều chuyển từ các đơn vị	-	-	-	-	-	-
- Kết chuyển từ bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	3,317,495,455	1,500,661,819	119,009,091	-	4,937,166,365
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	1,144,143,644	77,159,082	-	1,221,302,726
Số tăng trong kỳ	-	135,176,867	44,322,339	11,022,726	-	190,521,932
- Khấu hao trong kỳ	-	135,176,867	44,322,339	11,022,726	-	190,521,932
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	135,176,867	1,188,465,983	88,181,808	-	1,411,824,658
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	-	-	356,518,175	11,022,736	-	367,540,911
Tại ngày cuối kỳ	-	3,182,318,588	312,195,836	30,827,283	-	3,525,341,707

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOẢNG SÀN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Phụ lục 2:

11. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con				
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	-	451,387,600,000	-	271,387,600,000
Công ty CP Pink house Việt Nam		178,437,600,000		178,437,600,000
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Khoa học kỹ thuật A		14,250,000,000		14,250,000,000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn		9,500,000,000		9,500,000,000
Công ty Cổ phần AMD Smart		119,400,000,000		59,400,000,000
Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản		9,800,000,000		9,800,000,000
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Decohouse		120,000,000,000		120,000,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á		142,802,454		40,000,000,000
Công ty CP Đầu tư ANBA		40,000,000,000		40,000,000,000
Cộng		34,000,000,000		34,000,000,000
		525,387,600,000		311,387,600,000
		142,802,454		142,802,454
		525,244,797,546		311,244,797,546

Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Thông tin chi tiết về Công ty con, công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	Tầng 1, Tòa nhà Việt Úc (VAS), tổ 12, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	59.48%	59.48%	Là một tổ chức khoa học công nghệ thực hiện hoạt động tư vấn, nghiên cứu và đào tạo về quản lý và phát triển nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo ra những thay đổi tích cực, bền vững cho tổ chức.
Công ty CP Pink house Việt Nam	Số nhà 89 - Ngõ 178 Nguyễn Lương Bằng - P Quang Trung - Q.Đống Đa - TP Hà Nội	95.00%	95.00%	Là đơn vị trực thuộc AMD GROUP và được phát triển theo mô hình của hệ thống giáo dục mầm non chuyên nghiệp.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Bảo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016**Phụ lục 2:**

Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị khoa học kỹ thuật ACETECH	Số 62 - Ngõ 322 - Phố Lê Trọng Tấn - Phường Khương Mai - Quận Thanh Xuân - Hà Nội	95.00%	95.00%	Các hoạt động kinh doanh của công ty nằm trong lĩnh vực cung cấp thiết bị Khoa học Công nghệ, thiết bị Y tế, thiết bị Giáo dục, thiết bị Dạy nghề và dịch vụ kỹ thuật: thiết kế, thi công lắp đặt hệ thống phòng thí nghiệm công nghệ cao.
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đông Sơn	Số 15, biệt thự 1, Khu nhà ở Cầu Diễn, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	99.50%	99.50%	Ngành nghề chính là kinh doanh xăng dầu và vật liệu xây dựng.
Công ty Cổ phần AMD Smart	Số 15-BT1 Khu nhà ở Cầu Diễn, P. Cầu Diễn, q. Nam Từ Liêm, tp. Hà Nội.	98.00%	98.00%	Ngành nghề chính là thiết kế, sản xuất và cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm.
Công ty Cổ phần AMD Khoáng sản	Tầng 1, tòa nhà VAS, Mỹ Đình 1, Q.Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội;	80.00%	80.00%	Đầu tư phát triển một dự án xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.
Tên Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần DECOHOUSE	Khu phố 03 Đoài, Thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	40.00%	40.00%	Công ty CP DECOHOUSE hiện đang đầu tư phát triển một dự án xây dựng Khu nhà nghỉ sinh thái, nhà hàng sinh thái và kinh doanh thương mại tại xã Trung Nguyên, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số/2016/AMD - AMD MINING - ANBA ngày/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư ANBA, Công ty CP Đầu tư AMD Group và Công ty CP AMD Khoáng Sản với mục đích hợp tác đầu tư mua công trình nhà ở thấp tầng có ký hiệu TT-A, TT-B, TT-C thuộc dự án khu nhà ở 319 phường Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội do Liên doanh Công ty TNHH MTV 319.3 và Công ty CP Đầu tư Xây lắp Hùng Cường làm chủ đầu tư.

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP
 Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính
 Cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Phụ lục 3:

16. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Tăng trong kỳ		Giảm trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn								
- Vay Ngân hàng	-	-	-	-	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000	
+ <i>Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Decohouse (*)</i>	-	-	-	-	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000	
Cộng	0	0	0	0	5,000,000,000	5,000,000,000	5,000,000,000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ KHOÁNG SẢN AMD GROUP

Tầng 9, tòa nhà Suced, số 108 phố Nguyễn Hoàng, P Mỹ Đình2, Q Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016

Phụ lục 4:

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	300,000,000,000				32,897,880,550	332,897,880,550
- Tăng vốn năm trước					28,582,051,643	-
- Lãi trong năm trước			1,785,199,194	892,599,597		28,582,051,643
- Trích lập các quỹ						2,677,798,791
- Tăng khác						-
- Lỗ trong năm						-
- Chi trả cổ tức						-
- Phân loại theo TT 200						-
- Giảm khác					(4,462,997,985)	(4,462,997,985)
Số dư đầu năm nay	300,000,000,000	-	1,785,199,194	892,599,597	57,016,934,208	359,694,732,999
- Tăng vốn trong kỳ	323,999,360,000					323,999,360,000
- Lãi trong kỳ					43,730,284,124	43,730,284,124
- Trích lập các quỹ			817,276,466	817,276,466	(1,634,552,932)	-
- Tăng khác						-
- Lỗ trong kỳ						-
- Phân phối lợi nhuận					(23,999,360,000)	(23,999,360,000)
- Cổ tức		(90,000,000)			(90,000,000)	(90,000,000)
- Giảm khác						-
Số cuối kỳ	623,999,360,000	(90,000,000)	2,602,475,660	1,709,876,063	75,023,305,400	703,335,017,123